TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2026/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 02 - 2026
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đô
Ông Đinh Chí Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau.

Ngày 24 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 302/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1998 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp NT, xã BB, tỉnh Cà Mau.
Số CCCD:096198006674, cấp ngày 11/8/2022.
- *Bị đơn:* Ông Trần Minh H, sinh năm 1991 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 6, xã TB, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Minh H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau (nay là Uỷ ban nhân dân xã TB, tỉnh Cà Mau). Trong quá trình chung sống thời gian gần đây vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có sự quan tâm tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra cự cãi, do chung sống không có hạnh phúc nên hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, bà và ông H cũng như gia đình hai bên đã hàn gắn nhưng không thành. Hiện tại vợ chồng đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn chung sống lại được nữa nên bà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Trần H N, sinh ngày 21/9/2018. Hiện nay ông H đang nuôi dưỡng cháu N. Khi ly hôn bà đồng ý để cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nghĩa, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung tự thoả thuận, nợ chung là không có nên bà không yêu cầu xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông H vắng mặt không có lý do, nguyên đơn bà N có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông H và bà N.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc N và ông Trần Minh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau (nay là Uỷ ban nhân dân xã TB, tỉnh Cà Mau). Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H được xác lập hợp pháp, hai người tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, bà N và ông H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có sự quan tâm tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra cự cãi, chung sống không có hạnh phúc nên hiện nay vợ chồng đã sống ly thân là thực tế có diễn ra. Kể từ khi xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đến nay với thời gian dài mà hai bên không thể dàn xếp, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hai bên thoả thuận hàn gắn nhưng không có kết quả, do ông H không tham gia hòa giải và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà N. Từ những vấn đề đã nêu, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho hai người được ly hôn là phù hợp. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà N và ông H có một con chung là cháu Trần H N, sinh ngày 21/9/2018. Cháu N hiện tại chưa thành niên, ông H đang nuôi dưỡng cháu N vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cuộc sống của cháu đã ổn định, do đó giao cháu N cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu N mà không ai được cản trở. Ông H không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà N và ông H không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà N chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 20/10/2025, bà N nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cà Mau được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc N được ly hôn với ông Trần Minh H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần H N, sinh ngày 21/9/2018 cho ông Trần Minh H tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Ngọc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trần H N mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc N chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ngày 20/10/2025, bà Nguyễn Ngọc N nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002614 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cà Mau được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Ngọc N và ông Trần Minh H vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 2 – Cà Mau;
- UBND xã TB, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.TANDKV2-CM.

Bùi Văn Việt